

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 65/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2017

V/v: Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Sơn và bà Vũ Thị Thúy

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Khuông - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên toà: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên*

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 46 ngày 23 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1983 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn N**, sinh năm 1977 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh B, sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, mặt khác anh N lại nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo và giúp đỡ nhưng anh N không từ bỏ ma túy. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sinh sống và làm ăn. Vợ chồng sống ly thân đã 04 năm nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N

Về con chung: Chị và anh N có một 02 con chung là Vũ Trọng T, sinh ngày 06/11/2006 và Vũ Trọng Q, sinh ngày 24/10/2000. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N nhưng anh N mặc dù có mặt tại địa phương nhưng cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh B thì địa phương cung cấp: Anh N và chị N có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2002 tại UBND xã Q, anh N và chị N đều có hộ khẩu tại địa phương. Sau khi kết hôn anh N và chị N sống vui vẻ và hòa thuận được thời gian khoảng 6 đến 7 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, mặt khác anh N lại mắc tệ nạn xã hội (nghiện hút) đã được ban công an xã lập hồ sơ theo dõi, giáo dục. Anh N đi làm thuê ở Quảng Ninh, hàng tháng có về nhà vài ngày rồi lại đi. Nay chị N xin ly hôn quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị N được ly hôn anh N. Giữa anh N và chị N có 02 con chung, hiện các cháu đang sống và học tập tại xã Q, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Còn vấn đề tài sản chung, nợ chung của anh chị thì chính quyền địa phương không xác định được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có gửi giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án nhờ UBND xã giao cho anh N, chính quyền địa phương đã giao trực tiếp cho anh N và kết hợp niêm yết công khai tại địa phương, việc anh N cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập là không chấp hành pháp luật, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh N

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là anh Vũ Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Vũ Văn N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ điều 228 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng mới chung sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mặt khác anh N lại nghiện ma túy, không quan tâm gì đến gia đình nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh N và chị N chỉ còn là hình thức, vì trên thực tế anh N và chị N đã sống ly thân nhiều năm nay. Chị N xin ly hôn anh N là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

2. Về con chung : Chị N và anh N có 02 con chung là Vũ Trọng T, sinh ngày 06/11/2006 và Vũ Trọng Q, sinh ngày 24/10/2000. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Vũ Trọng T có đơn xin được ở với mẹ còn cháu Vũ Trọng Q có đơn xin được ở với bố. Hiện nay các con chung đã trên 07 tuổi và nguyện vọng đó của các cháu là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung Vũ Trọng T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Trọng Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo lời khai của chị N, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng tại thời điểm xét xử vẫn không có được lời khai của anh N về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên không xác định được lời khai của chị N có chính xác hay không, vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử quyết định tách phần tài sản ra để giải quyết trong vụ án khác nếu anh N có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Văn N

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Trọng T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Vũ Trọng Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên đều có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Trường hợp anh Vũ Văn N có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0001079 ngày 06/7/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí. Chị N đã nộp xong án phí

Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Vũ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh B.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- TAND tỉnh TB
- UBND xã Q
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương